SAO Y
Cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị
Thời gian: 09/12/2025 11:13:37

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2246/TTr-UBND	*Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện quy định củaLuật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII đã khẳng định: *"Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện...".*

Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định:*"Tăng cường phân cấp, phân quyền, ủy quyền, phát huy vai trò, tính chủ động của xã, phường, đặc khu; nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền mỗi cấp; cá thể hoá trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu".*

Theo điểm d, khoản 9, Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: *"Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này"*vàđiểm đ, khoản 9, Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: *"Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xãđối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã".*

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương tỉnh Quảng Bình năm 2025; Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025, áp dụng từ ngày 01/7/2025.

Ngày 25/6/2025 Quốc hội thông qua Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026), trong đó tại Khoản 3 Điều 9 quy định: *"Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn";* Điều 41 quy định: *"Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương"*

Theo đó, sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026 là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đảm bảo đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đúng phân cấp, thẩm quyền theo quy

định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng quản lý ngân sách của các cấp, phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí. Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Bố cục của Dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, trong đó:

- Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026.

- Điều 2: Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương tỉnh Quảng Bình năm 2025.

2. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025.

- Điều 3: Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

Theo quy định tại Điều 41 Luật ngân sách nhà nước năm 2025: *"Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương"*. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở kế thừa, hợp nhất Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp) quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng trị (trước sắp xếp) quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025, đồng thời tuân thủ nguyên tắc phân cấp theo quy định trên của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

2.1. Về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách

Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách đảm bảo theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng cấp theo quy định về xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và tình hình thực tế phát sinh các khoản thu phát sinh trên địa bàn tỉnh.

2.2. Về phân cấp nhiệm vụ chi

Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên cơ sở các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, gồm: Chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi khác; chi chuyển nguồn sang năm sau theo phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội của từng lĩnh vực và khả năng quản lý của cấp tỉnh, cấp xã. Đối với cấp tỉnh, phân cấp thêm các nhiệm vụ chi: Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; chi viện trợ theo quy định của Chính phủ; chi cho vay theo quy định của Chính phủ; chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành

Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này và chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, địa phương liên quan phối hợp hướng dẫn trong quá trình thực hiện; việc xác định tỷ lệ phân chia các khoản thu hợp lý, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động, sáng tạo huy động nguồn lực để phát kinh tế xã hội.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí để triển khai Nghị quyết bao gồm: kinh phí để xây dựng Nghị quyết; kinh phí tổ chức triển khai Nghị quyết; kinh phí theo dõi thi hành Nghị quyết; kinh phí thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; kinh phí phục vụ cho công tác đánh giá việc thực hiện Nghị quyết.

- Nguồn kinh phí: Nguồn dự toán ngân sách đã giao cho các cơ quan đơn vị, địa phương.

3. Thời gian thông qua

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết nêu trên tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII.

(Có phụ lục chi tiết và dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Phong Phú

Phụ lục

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 2206/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
I	**NGUỒN THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100%**				
1	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**	100		100	
2	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	100		100	
3	**Tiền cho thuê mặt nước**	100	100		
4	**Tiền thu sử dụng khu vực biển (Do UBND tỉnh quyết định giao)**	100	100		
5	**Thuế bảo vệ môi trường** (Phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)	100	100		
6	**Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**				
	Nhà do cấp tỉnh quản lý	100	100		
	Nhà do cấp xã quản lý	100		100	
7	**Thu từ hoạt động xổ số**	100	100		
8	**Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu**	100	100		
9	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương**	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
10	**Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch** *(sau khi được trừ phần trích lại theo quy định)*				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý thực hiện thu	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý thực hiện thu	100		100	
11	**Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào cửa khẩu tỉnh Quảng Trị**	100	100		
12	**Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
13	**Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
14	**Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu**				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
15	**Lệ phí trước bạ**	100		100	
16	**Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện**				
	Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã thực hiện	100		100	
17	**Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công**				
	Đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
18	**Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương;**				
	Thu viện trợ của cấp tỉnh	100	100		
	Thu viện trợ của cấp xã	100		100	
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**	100		100	
20	**Thu huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân**				
	Đóng góp cho cấp tỉnh	100	100		
	Đóng góp cho cấp xã	100		100	
21	**Thu tiền đền bù**				
	Tiền đền bù cho cấp tỉnh	100	100		
	Tiền đền bù cho cấp xã	100		100	
22	**Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau**				
	Ngân sách cấp tỉnh chuyển nguồn	100	100		
	Ngân sách cấp xã chuyển nguồn	100		100	
23	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**				
	Ngân sách Trung ương bổ sung cho Ngân sách cấp tỉnh	100	100		
	Ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp xã	100		100	
24	**Thu kết dư ngân sách địa phương**				
	Thu kết dư ngân sách tỉnh	100	100		
	Thu kết dư ngân sách cấp xã	100		100	
25	**Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật**				

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
26	**Tiền chậm nộp các khoản thu**				
	Chậm nộp đối với các khoản thu do cấp tỉnh hưởng	100	100		
	Chậm nộp đối với các khoản thu do cấp xã hưởng	100		100	
27	**Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa**	100	100		
II	**NGUỒN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**				
1	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu)**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do thuế cơ sở quản lý	100		100	
2	**Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
	Thu từ đơn vị hộ kinh doanh cá thể do thuế cơ sở quản lý	100		100	
3	**Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng)**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
4	**Thuế thu nhập cá nhân**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
5	**Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí**				
	Thu từ các đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
6	**Thu cấp quyền khai thác khoáng sản**				
6.1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép)		30		*NSTW hưởng 70%; NSĐP hưởng 30% (trong đó: cấp tỉnh: 30%)*
6.2	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (do UBND tỉnh cấp phép)				
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
7	**Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước**				
7.1	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép)		30		*NSTW hưởng 70%; NSĐP hưởng 30% (trong đó: cấp tỉnh: 30%)*
7.2	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (do UBND tỉnh cấp phép)				
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
8	**Tiền thuê đất**				
	Thu tiền thuê đất từ các đơn vị do thuế tỉnh quản lý		85		*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 85%)*
	Thu tiền thuê đất từ các đơn vị do thuế cơ sở quản lý			85	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp xã: 85%)*
9	**Thu tiền sử dụng đất**				
9.1	Đất do UBND tỉnh quyết định đầu tư				
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu đô thị do các nhà đầu tư thực hiện		85		*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85%(trong đó: cấp tỉnh: 85%)*
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn cấp xã		75	10	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 75%, cấp xã: 10%*
9.2	Đất do UBND cấp xã quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại				
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do cấp xã thực hiện (bao gồm cả phần đầu tư hạ tầng, GPMB)				*Trường hợp chi phí thanh toán đầu tư hạ tầng và GPMBcao hơn kinh phí thu được theo tỷ lệ điều tiết quy định, ngân sách tỉnh đảm bảo chi trả phần chênh lệch*
	Trên địa bàn phường Đồng Hới		45	40	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó cấp tỉnh:45%, các phường: 40%)*

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Trên địa bàn phường Đông Hà		35	50	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó cấp tỉnh:35%, các phường: 50%)*
	Trên địa bàn các xã biên giới, đặc biệt khó khăn, đặc khu		15	70	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 15%, cấp xã: 70%)*
	Trên địa bàn các xã, phường còn lại		25	60	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 25%, cấp xã: 60%)*
10	**Các khoản thu tham quan du lịch (phí, thu khác tại khu du lịch,…)**	100	50	50	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2025/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 2246/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương tỉnh Quảng Bình năm 2025.

2. Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII kỳ họp thứ thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPHC – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã phường;
- Báo và Đài PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

Điều 1.Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các nội dung khác liên quan đến phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã;

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu

a) Chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ, khuyến khích khai thác nguồn thu, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó;

b) Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao;

c) Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản thu mang tính ổn định nhằm đảm bảo cân đối và chủ động điều hành cho ngân sách cấp xã;

d) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ và các nguồn thu không ổn định hàng năm;

2. Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi

a) Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp sau:

Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

c) Ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên phần giao cho cấp dưới thực hiện.

Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới.

Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ cụ thể khác của địa phương.

Hỗ trợ cho các địa phương có các dự án đầu tư đóng góp tích cực vào thu ngân sách nhà nước, các địa phương chịu ảnh hưởng môi trường do khai thác khoáng sản, nhà máy nhiệt điện, điện gió,..; các địa phương nằm trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng,...) theo khả năng của ngân sách tỉnh.

d) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy

quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

đ) Ngân sách cấp xã được sử dụng để hỗ trợ hoạt động của thôn, bản trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng nhỏ và triển khai các mô hình phát triển cộng đồng; hỗ trợ cho an ninh, quốc phòng ở cơ sở (công an xã, ban chỉ huy quân sự cấp xã) trong phạm vi ngân sách được giao.

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

a) Tiền cho thuê mặt nước;

b) Tiền thu sử dụng khu vực biển (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao);

c) Thuế bảo vệ môi trường (đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương);

d) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà do cấp tỉnh quản lý);

đ) Thu từ hoạt động xổ số;

e) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dâncấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu;

g) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch *(sau khi được trừ phần trích lại theo quy định)* (đơn vị thuộc tỉnh quản lý thu);

i) Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào cửa khẩu tỉnh Quảng Trị;

k) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

l) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

m) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu (do các đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện);

o) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý,sử dụng tài sản công (Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

p) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

q) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

r) Thu tiền đền bù cho tỉnh;

s) Thu ngân sách tỉnh chuyển nguồn năm trước sang năm sau;

t) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương;

u) Thu kết dư ngân sách tỉnh;

v) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (do đơn vị cấp tỉnh quản lý nộp);

x) Tiềnchậm nộp các khoản thu do cấp tỉnh hưởng;

y) Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

c) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng);

d) Thuế thu nhập cá nhân;

đ) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

e) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản;

g)Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

h) Tiền thuê đất;

i) Thu tiền sử dụng đất;

k) Các khoản thu tham quan du lịch (phí, thu khác tại khu du lịch,…).

Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do tỉnh quản lý theo quy định của Luật đầu tư công;

b) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình;

c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Cấp bù chênh lệch lãi suất; phí quản lý và ủy thác cho vay qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý theo phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: bao gồm hoạt động giáo dục trung học phổ thông, dân tộc nội trú, các hoạt động giáo dục dạy nghề khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao địa phương quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế; chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế theo phân cấp quản lý của địa phương; chi công tác phòng chống dịch bệnh; công tác dân số và gia đình; bảo hiểm y tế các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các hoạt động y tế khác; hỗ trợ phục vụ công tác khám, chữa bệnh, tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế trên địa bàn.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin:

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do tỉnh quản lý bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ

môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

i) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan cấp tỉnh quản lý;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

l) Chi bảo đảm xã hội: Bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật các hoạt động xã hội khác;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ khác quy định tại tiết 1,2,3 điểm b Khoản 2 Điều 3 quy định này.

Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

c) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà do cấp xã quản lý);

d) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch *(sau khi được trừ phần trích lại theo quy định)* (đơn vị thuộc cấp xã quản lý thu);

đ) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);

e) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);

g) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (do các đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);

h) Lệ phí trước bạ;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (Cấp xã thực hiện);

k) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);

l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

m) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

n) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

o) Thu tiền đền bù cho cấp xã;

p) Thu ngân sáchcấp xã chuyển nguồn năm trước sang năm sau

q) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh

r) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

s) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (do đơn vị thuộc cấp xãquản lý nộp)

t) Tiền chậm nộp các khoản thu do cấp xã hưởng

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã:Theokhoản 2 Điều 4 quy định này.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội được phân cấp theo quy định;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào quản lý theo các lĩnh vực.

c) Chi đầu tư các trường thuộc cấp xã quản lý

d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên các lĩnh vực do cấp xã quản lý:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo tại các trường, đơn vị thuộc cấp xã quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao cấp xã quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách tỉnh;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế theo phân cấp quản lý của địa phương; Chi công tác phòng chống dịch bệnh; công tác dân số và gia đình; bảo hiểm y tế các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các hoạt động y tế khác; Hỗ trợ phục vụ công tác khám, chữa bệnh trên địa bàn cấp xã;

e) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật

m) Chi bảo đảm xã hội: Chi chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng do xã quản lý; Chi thăm hỏi gia đình chính sách, người có công; người cao tuổi và công tác xã hội khác (theo phân cấp).

n) Các khoản chi khác theo quy định pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã sang năm sau.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại tiết 1,2,3 điểm b Khoản 2 Điều 3 quy định này.

Điều 8. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách

Tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Quy định này tại Phụ lục kèm theo.

định này tại Phụ lục kèm theo.

Phụ lục

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
I	**NGUỒN THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100%**				
1	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**	100		100	
2	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	100		100	
3	**Tiền cho thuê mặt nước**	100	100		
4	**Tiền thu sử dụng khu vực biển (Do UBND tỉnh quyết định giao)**	100	100		
5	**Thuế bảo vệ môi trường** (Phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)	100	100		
6	**Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**				
	Nhà do cấp tỉnh quản lý	100	100		
	Nhà do cấp xã quản lý	100		100	
7	**Thu từ hoạt động xổ số**	100	100		
8	**Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu**	100	100		
9	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương**	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
10	**Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch** *(sau khi được trừ phần trích lại theo quy định)*				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý thực hiện thu	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý thực hiện thu	100		100	
11	**Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào cửa khẩu tỉnh Quảng Trị**	100	100		
12	**Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
13	**Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
14	**Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu**				
	Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
15	**Lệ phí trước bạ**	100		100	
16	**Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện**				
	Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện	100	100		
	Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã thực hiện	100		100	

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
17	**Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công**				
	Đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý nộp	100	100		
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
18	**Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương**				
	Thu viện trợ của cấp tỉnh	100	100		
	Thu viện trợ của cấp xã	100		100	
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**	100		100	
20	**Thu huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân**				
	Đóng góp cho cấp tỉnh	100	100		
	Đóng góp cho cấp xã	100		100	
21	**Thu tiền đền bù**				
	Tiền đền bù cho cấp tỉnh	100	100		
	Tiền đền bù cho cấp xã	100		100	
22	**Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau**				
	Ngân sách cấp tỉnh chuyển nguồn	100	100		
	Ngân sách cấp xã chuyển nguồn	100		100	
23	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**				
	Ngân sách Trung ương bổ sung cho Ngân sách cấp tỉnh	100	100		
	Ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp xã	100		100	
24	**Thu kết dư ngân sách địa phương**				
	Thu kết dư ngân sách tỉnh	100	100		
	Thu kết dư ngân sách cấp xã	100		100	
25	**Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật**				
	Đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý nộp	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp	100		100	
26	**Tiền chậm nộp các khoản thu**				
	Chậm nộp đối với các khoản thu do cấp tỉnh hưởng	100	100		
	Chậm nộp đối với các khoản thu do cấp xã hưởng	100		100	
27	**Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa**	100	100		
II	**NGUỒN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**				
1	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu)**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do thuế cơ sở quản lý	100		100	
2	**Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
	Thu từ đơn vị hộ kinh doanh cá thể do thuế cơ sở quản lý	100		100	
3	**Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng)**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
4	**Thuế thu nhập cá nhân**				*Phân chia nguồn thu đối với phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)*
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
5	**Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí**				
	Thu từ các đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
6	**Thu cấp quyền khai thác khoáng sản**				
6.1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép)		30		*NSTW hưởng 70%; NSĐP hưởng 30% (trong đó: cấp tỉnh: 30%)*
6.2	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (do UBND tỉnh cấp phép)				
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	
7	**Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước**				
7.1	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép)		30		*NSTW hưởng 70%; NSĐP hưởng 30% (trong đó: cấp tỉnh: 30%)*
7.2	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (do UBND tỉnh cấp phép)				
	Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý	100	100		
	Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý	100		100	

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
8	**Tiền thuê đất**				
	Thu tiền thuê đất từ các đơn vị do thuế tỉnh quản lý		85		*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 85%)*
	Thu tiền thuê đất từ các đơn vị do thuế cơ sở quản lý			85	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp xã: 85%)*
9	**Thu tiền sử dụng đất**				
9.1	Đất do UBND tỉnh quyết định đầu tư				
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu đô thị do các nhà đầu tư thực hiện		85		*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 85%)*
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn cấp xã		75	10	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 75%, cấp xã: 10%*
9.2	Đất do UBND cấp xã quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại				
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do cấp xã thực hiện (bao gồm cả phần đầu tư hạ tầng, GPMB)				*Trường hợp chi phí thanh toán đầu tư hạ tầng và GPMB cao hơn kinh phí thu được theo tỷ lệ điều tiết quy định, ngân sách tỉnh đảm bảo chi trả phần chênh lệch*
	Trên địa bàn phường Đồng Hới		45	40	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó tỉnh: 45%, phường: 40%)*

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	Trên địa bàn phường Đông Hà		35	50	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó tỉnh: 35%, phường: 50%)*
	Trên địa bàn các xã biên giới, đặc biệt khó khăn, đặc khu		15	70	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 15%, cấp xã: 70%)*
	Trên địa bàn các xã, phường còn lại		25	60	*NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 25%, cấp xã: 60%)*
10	**Các khoản thu tham quan du lịch (phí, thu khác tại khu du lịch,…)**	100	50	50	